

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
HĐTS TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2023

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 - NĂM 2023

Hải Phòng, ngày 18 tháng 5 năm 2023

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm thi		Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
						NN	ĐGNL		
1	001	Bùi Thị Mai	Anh	Nữ	23/08/1996	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
2	002	Đinh Quang	Anh	Nam	19/01/1992	69	8.0	QL Kinh tế	
3	003	Lê Tuyết Quỳnh	Anh	Nữ	21/11/2000	Miễn TA	9.5	QL Kinh tế	Miễn TA
4	004	Nguyễn Quang	Anh	Nam	19/09/1999	73	7.5	QL Kinh tế	
5	005	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	26/11/1986	63	Miễn	QLHH	Không áp dụng
6	006	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	10/11/1983	80	7.5	QL Kinh tế	
7	007	Phạm Nhật	Anh	Nữ	22/04/2000	Miễn TA	7.5	QL Kinh tế	Miễn TA
8	008	Phạm Việt	Anh	Nam	01/06/1995	84	Miễn	QLHH	Không áp dụng
9	009	Tạ Hồng	Anh	Nữ	26/09/2000	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
10	010	Trần Thị Diệp	Anh	Nữ	27/12/1996	82	8.5	QL Kinh tế	
11	011	Đoàn Đại	Bách	Nam	22/02/1995	78	Miễn	QLMT	Không áp dụng
12	012	Đặng Thanh	Bình	Nam	07/10/2000	Miễn TA	9.5	QL Kinh tế	Miễn TA
13	013	Trần Trọng	Bình	Nam	02/02/1982	74	8.5	QL Kinh tế	
14	014	Lê Công	Bộ	Nam	27/12/1987	84	7.5	QL Kinh tế	
15	015	Phạm Thị	Châm	Nữ	27/08/1982	75	9.0	QL Kinh tế	
16	016	Nguyễn Văn	Chương	Nam	07/03/1979	74	Miễn	QLĐAĐT&XD	Không áp dụng
17	017	Tăng Văn	Cường	Nam	15/05/1994	86	Miễn	QLMT	Không áp dụng
18	018	Nguyễn Trọng	Đạt	Nam	13/10/1992	81	8.0	QL Kinh tế	
19	019	Phạm Văn	Đồng	Nam	31/05/1995	84	Miễn	KTĐK&TĐH	Không áp dụng
20	020	Lưu Văn	Đuẩn	Nam	10/08/1991	Vắng	Miễn	KTĐK&TĐH	Vắng thi
21	021	Đỗ Đức	Đức	Nam	21/10/1994	79	Miễn	QLĐAĐT&XD	Không áp dụng
22	022	Nguyễn Văn	Đức	Nam	06/10/1983	Miễn TA	9.5	QL Kinh tế	Miễn TA
23	023	Quách Anh	Đức	Nam	24/04/1983	88	8.0	QLTC	
24	024	Tạ Trung	Đức	Nam	15/11/1991	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
25	025	Vũ Hải	Đức	Nam	14/06/1994	74	9.5	QL Kinh tế	
26	026	Nguyễn Hữu	Dũng	Nam	30/07/1982	Miễn TA	9.5	QL Kinh tế	Miễn TA



Handwritten signature

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm thi		Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
						NN	DGNL		
27	027	Trần Đức	Dũng	Nam	20/06/1995	Miễn TA	7.5	QL Kinh tế	Miễn TA
28	028	Trần Việt	Dũng	Nam	11/06/2000	44	Miễn	QLSXCN	Không đủ ĐKXT
29	029	Đồng Thuỳ	Dương	Nữ	18/07/1991	88	8.0	QL Kinh tế	
30	030	Hoàng Linh	Dương	Nam	03/07/1997	79	8.5	QL Kinh tế	
31	031	Hoàng Thuỳ	Dương	Nữ	16/10/1998	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
32	032	Nguyễn Đình	Dương	Nam	26/08/1995	65	Miễn	QLVT&Logistics	Không áp dụng
33	033	Trần Bảo	Dương	Nam	21/09/1997	Miễn TA	9.0	QL Kinh tế	Miễn TA
34	034	Lê Đức	Duy	Nam	20/07/1992	57	Miễn	QLĐADT&XD	Không áp dụng
35	035	Ngô Thành	Duy	Nam	05/03/1997	78	9.0	QL Kinh tế	
36	036	Nguyễn Trường	Giang	Nam	01/10/1991	80	Miễn	KTTT	Không áp dụng
37	037	Nguyễn Vũ	Giáp	Nam	25/06/2000	73	Miễn	QLMT	Không áp dụng
38	038	Nguyễn Quang	Hà	Nam	02/12/1995	70	7.5	QL Kinh tế	
39	039	Nguyễn Thị Hải	Hà	Nữ	02/05/1988	79	9.5	QL Kinh tế	
40	040	Đoàn Thế	Hải	Nam	21/01/1995	83	8.5	QL Kinh tế	
41	041	Dương Thị Thu	Hằng	Nữ	23/03/1983	81	9.5	QL Kinh tế	
42	042	Hà Thị Thu	Hằng	Nữ	22/08/1986	79	7.5	QL Kinh tế	
43	043	Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	12/05/1976	79	8.0	QL Kinh tế	
44	044	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	09/06/1983	76	8.5	QL Kinh tế	
45	045	Đàm Trung	Hiếu	Nam	01/06/1987	76	7.5	QL Kinh tế	
46	046	Lê Trung	Hiếu	Nam	10/03/1999	Miễn TA	9.0	QL Kinh tế	Miễn TA
47	047	Nguyễn An	Hiếu	Nam	11/09/1999	65	9.5	QL Kinh tế	
48	048	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	04/09/1999	80	Miễn	QLSXCN	Không áp dụng
49	049	Trịnh Quang	Hiệu	Nam	26/08/1987	57	9.0	QL Kinh tế	
50	050	Nguyễn	Hoàng	Nam	17/11/1991	73	7.5	QL Kinh tế	
51	051	Tạ Nam	Hồng	Nữ	09/09/1991	74	9.0	QL Kinh tế	
52	052	Phạm Văn	Hùng	Nam	20/11/1985	64	7.5	QL Kinh tế	
53	053	Vũ Nam	Hưng	Nam	29/07/1981	80	7.0	QL Kinh tế	
54	054	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	11/07/1997	75	8.5	QL Kinh tế	
55	055	Bùi Thu	Huyền	Nữ	22/09/1991	84	9.5	QL Kinh tế	
56	056	Nguyễn Diệu	Huyền	Nữ	20/01/1994	90	8.5	QL Kinh tế	
57	057	Đinh Thị	Khuy	Nữ	04/07/1993	84	9.0	QL Kinh tế	

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm thi		Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
						NN	DGNL		
58	058	Vũ Đình Kiên	Nam	01/10/1992		86	Miễn	CNTT	Không áp dụng
59	059	Hoàng Thị Ngọc Lan	Nữ	06/08/1992		Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
60	060	Nguyễn Hải Liên	Nam	08/06/1981		88	8.5	QL Kinh tế	
61	061	Nguyễn Đức Linh	Nam	18/01/1996		84	9.5	QL Kinh tế	
62	062	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	05/05/1998		84	9.5	QL Kinh tế	
63	063	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	18/11/2000		Miễn TA	9.5	QL Kinh tế	Miễn TA
64	064	Trần Thị Thùy Linh	Nữ	08/12/1998		86	9.5	QL Kinh tế	
65	065	Trần Thị Thùy Linh	Nữ	26/07/1992		78	9.0	QL Kinh tế	
66	066	Vũ Đặng Thùy Linh	Nữ	04/05/2000		Miễn TA	7.5	QL Kinh tế	Miễn TA
67	067	Đỗ Thị Tuyết Loan	Nữ	09/08/1976		84	6.0	QL Kinh tế	
68	068	Đinh Hải Long	Nam	08/11/1996		84	8.0	QL Kinh tế	
69	069	Phan Tuấn Lực	Nam	22/06/1995		80	9.0	QLTC	
70	070	Ngô Ngọc Mai	Nữ	25/11/1989		87	7.0	QL Kinh tế	
71	071	Bùi Đức Mạnh	Nam	29/02/1992		80	Miễn	CNTT	Không áp dụng
72	072	Nguyễn Sĩ Mạnh	Nam	27/06/1989		80	8.5	QL Kinh tế	
73	073	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	15/03/1988		83	Miễn	QLHH	Không áp dụng
74	074	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	30/11/1991		80	Miễn	QLHH	Không áp dụng
75	075	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	26/11/1994		86	Miễn	QL Kỹ thuật	Không áp dụng
76	076	Phạm Thành Mạnh	Nam	09/03/1999		Miễn TA	7.0	QL Kinh tế	Miễn TA
77	077	Bùi Anh Minh	Nam	25/12/1996		80	7.5	QL Kinh tế	
78	078	Nguyễn Đức Minh	Nam	07/06/1993		80	8.0	QL Kinh tế	
79	079	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	23/11/1997		84	9.0	QL Kinh tế	
80	080	Phạm Bình Minh	Nam	22/02/1981		83	8.0	QL Kinh tế	
81	081	Hoàng Thị Kim Ngân	Nữ	08/02/2000		86	8.5	QL Kinh tế	
82	082	Lê Thị Thanh Nhân	Nữ	27/11/1998		84	7.5	QL Kinh tế	
83	083	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	08/03/1996		85	7.0	QL Kinh tế	
84	084	Phạm Hồng Nhung	Nữ	25/02/1997		Vắng	Vắng	QLTC	Vắng thi
85	085	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	31/07/1999		87	6.5	QL Kinh tế	
86	086	Nguyễn Văn Quân	Nam	16/06/1991		Vắng	Miễn	KTĐK&TDH	Vắng thi
87	087	Tạ Hữu Quang	Nam	22/05/1984		83	8.5	QL Kinh tế	
88	088	Vũ Đức Quang	Nam	22/04/1998		Miễn TA	Vắng	QL Kinh tế	Vắng thi



STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm thi		Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
						NN	DGNL		
89	089	Trần Thị Thu	Quyên	Nữ	23/02/1987	83	7.5	QL Kinh tế	
90	090	Nguyễn Trường	Son	Nam	30/11/1991	87	5.5	QL Kinh tế	
91	091	Nguyễn Văn	Son	Nam	08/12/1986	80	8.5	QL Kinh tế	
92	092	Quách Trường	Son	Nam	09/05/2000	86	Miễn	QLĐAĐT&XD	Không áp dụng
93	093	Đinh Xuân	Tám	Nam	27/10/1975	80	8.0	QL Kinh tế	
94	094	Ngô Thị	Tám	Nữ	16/09/1987	87	9.0	QL Kinh tế	
95	095	Lưu Thị	Tám	Nữ	12/10/1982	86	9.0	QL Kinh tế	
96	096	Đào Thị Dạ	Thắm	Nữ	03/11/1996	78	10.0	QL Kinh tế	
97	097	Phạm Duy	Thắng	Nam	17/02/1992	80	7.5	QL Kinh tế	
98	098	Trần Văn	Thắng	Nam	06/07/1990	80	Miễn	QLĐAĐT&XD	Không áp dụng
99	099	Lại Như	Thanh	Nam	25/04/1977	89	9.0	QL Kinh tế	
100	100	Hoàng Văn	Thành	Nam	30/11/1989	85	Miễn	QLMT	Không áp dụng
101	101	Nguyễn Hà	Thành	Nam	24/12/1988	86	9.0	QL Kinh tế	
102	102	Phạm Tiến	Thành	Nam	10/11/1995	75	8.0	QL Kinh tế	
103	103	Vũ Tiến	Thành	Nam	11/11/1996	86	8.0	QL Kinh tế	
104	104	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	07/09/1998	85	9.0	QL Kinh tế	
105	105	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	12/02/1997	87	9.0	QL Kinh tế	
106	106	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	25/09/1998	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
107	107	Nguyễn Tài	Thiện	Nam	29/01/1997	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
108	108	Trần Mai	Thu	Nữ	04/09/1999	Miễn TA	10.0	QLTC	Miễn TA
109	109	Đỗ Minh	Tiến	Nam	11/01/1985	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA
110	110	Dương Văn	Tiến	Nam	25/01/1995	89	Miễn	QL Kỹ thuật	Không áp dụng
111	111	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	17/01/1996	82	9.0	QL Kinh tế	
112	112	Cao Thị Thùy	Trang	Nữ	19/08/1985	90	9.0	QL Kinh tế	
113	113	Đào Thị Kiều	Trang	Nữ	02/06/1997	86	9.5	QL Kinh tế	
114	114	Nguyễn Thị Doan	Trang	Nữ	25/01/1998	84	9.0	QL Kinh tế	
115	115	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	21/01/1996	80	8.0	QL Kinh tế	
116	116	Trần Nhật Quỳnh	Trang	Nữ	30/07/1995	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
117	117	Cao Thị Phương	Trinh	Nữ	28/08/1996	90	8.5	QL Kinh tế	
118	118	Nguyễn Tuyết Mai	Trinh	Nữ	02/01/1990	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
119	119	Nguyễn Ngọc	Trung	Nam	16/10/1995	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm thi		Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
						NN	ĐGNL		
120	120	Nguyễn Thành	Trung	Nam	14/04/1989	80	8.5	QL Kinh tế	
121	121	Hoàng Minh	Tuấn	Nam	07/09/1999	86	10.0	QL Kinh tế	
122	122	Khúc Thanh	Tùng	Nam	15/07/1999	85	8.0	QL Kinh tế	
123	123	Ngô Văn	Tùng	Nam	08/03/2000	80	Miễn	QLĐAĐT&XD	Không áp dụng
124	124	Nguyễn Hoàng	Tùng	Nam	13/11/1992	Miễn TA	Vắng	QL Kinh tế	Vắng thi
125	125	Nguyễn Phạm Dương	Tùng	Nam	24/08/1995	75	8.0	QL Kinh tế	
126	126	Ngô Thị	Uyên	Nữ	26/08/1990	87	8.5	QL Kinh tế	
127	127	Vũ Thị	Vân	Nữ	24/02/1994	81	7.5	QL Kinh tế	
128	128	Lê Thanh	Xuân	Nam	25/06/1986	83	Miễn	QLĐAĐT&XD	Không áp dụng
129	129	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	10/05/1977	84	7.5	QL Kinh tế	
130	130	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	03/05/1996	80	9.0	QL Kinh tế	
131	131	Phạm Hoàng Hải	Yến	Nữ	18/11/1992	80	8.0	QL Kinh tế	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. *Phạm Xuân Dương*